

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC LÀNG NGHỀ Ở TỈNH BẠC LIÊU

Mai Văn Nam¹ và Đinh Công Thành¹

ABSTRACT

The study aims to analyze the production efficiency of the handicraft villages in Bac Lieu province. The findings show that these handicraft villages bring much economic and social efficiency. Furthermore, the results of discriminant analysis indicate that nature of operation, number of labor, working capital, equity capital, and nature of handicraft village are factors discriminated the income of handicraft households. Additionally, the outcomes of linear regression analysis show that nature of operation, number of labor, and working capital are important factors affect income of handicraft households. Finally, the study gives some suggestions in order to enhance efficiency of the handicraft villages in Bac Lieu.

Keywords: handicraft village, production efficiency

Title: Solutions to increase production efficiency of the handicraft villages in Bac Lieu

TÓM TẮT

Mục tiêu chính của đề tài nhằm phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động sản xuất của các làng nghề mang lại hiệu quả tài chính và cả về mặt xã hội cho tỉnh nhà. Thêm vào đó, kết quả phân tích phân biệt cho thấy tính chất hộ (hộ chuyên và hộ kiêm), số lao động của hộ, vốn lưu động, vốn cố định và tính chất làng nghề (làng nghề đã công nhận hay chưa) là những yếu tố tạo nên sự khác biệt thu nhập của hộ tham gia làng nghề. Đồng thời kết quả mô hình hồi quy cho thấy tính chất hộ, số lao động tham gia sản xuất và vốn lưu động là 3 nhân tố chính ảnh hưởng đến thu nhập của hộ. Dựa vào kết quả nghiên cứu, đề tài đã trình bày một số giải pháp cơ bản cũng như nêu lên các kiến nghị để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho các làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu.

Từ khóa: làng nghề, hiệu quả sản xuất

1 SỰ CẦN THIẾT NGHIÊN CỨU

Đến cuối năm 2009, vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có khoảng 164 làng nghề gồm: 38 làng nghề đan lát; 16 làng nghề dệt chiếu; 8 làng nghề bánh các loại; 7 làng nghề sản xuất bột; 7 làng nghề gạch, gốm; 5 làng nghề sản phẩm từ dừa; 4 làng nghề se lõi lát; 3 làng nghề bó chổi; 2 làng nghề sản xuất rượu; các sản phẩm khác như rèn, trồng, tũ thờ, hoa kiểng, ghe xuồng... chỉ có 01 làng nghề. Trong đó có 133 làng nghề đã được công nhận ở 8/13 tỉnh, thu hút khoảng 84,5 ngàn lao động. Sự hình thành và phát triển các làng nghề truyền thống ở ĐBSCL đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông thôn theo hướng giảm nhanh tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp, tăng giá trị sản xuất công nghiệp và dịch vụ nông thôn, góp phần giải quyết việc làm cho nhiều người lao động, thu nhập của lao động tham gia vào các làng nghề. Tuy nhiên, hiện nay do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế, các làng nghề ở ĐBSCL gặp nhiều khó khăn phải đương đầu, trong

¹ Khoa KT - QTKH, Trường Đại học Cần Thơ

đó trên 80% không đủ vốn đầu tư đổi mới kỹ thuật, mở rộng quy mô sản xuất, lao động thiếu, công tác xúc tiến quảng bá tiêu thụ sản phẩm còn yếu... Nhiều làng nghề ĐBSCL đứng trước nguy cơ mai một dần.

Nghiên cứu về “Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề tỉnh Bạc Liêu” được hình thành với mong muốn giúp cho các hộ tham gia sản xuất ở các làng nghề đánh giá một cách tổng quát về hoạt động sản xuất của họ. Ngoài ra, các cơ quan quản lý ở địa phương có thể dựa vào kết quả của nghiên cứu này làm cơ sở khoa học để đưa ra những chính sách phù hợp với tình hình thực tế, bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống.

2 MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Đề tài nghiên cứu nhằm phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu, cụ thể như sau:

- (1). Phân tích thực trạng hoạt động của các làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu;
- (2). Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh của các làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu;
- (3). Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho các làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu.

3 PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1 Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại huyện Hồng Dân và Phước Long – Bạc Liêu, do đây là hai huyện tập trung hầu hết các làng nghề trong tỉnh. Thời gian được khảo sát từ tháng 01/2010 đến 6/2010.

3.2 Phương pháp nghiên cứu

3.2.1 Phương pháp thu thập dữ liệu

Dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng bảng câu hỏi soạn sẵn, điều tra trực tiếp 122 hộ làng nghề bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo vùng địa lý. Đề tài tập trung thu thập thông tin tại các làng nghề thuộc huyện Hồng Dân và Phước Long vì đây là hai huyện tập trung hầu hết các làng nghề của tỉnh. Với cơ cấu mẫu như sau:

Bảng 1: Số mẫu điều tra tại các làng nghề tỉnh Bạc Liêu

<i>Đơn vị tính: hộ</i>					
Tên làng nghề	Địa phương (Huyện)	Sản phẩm chính	Tổng số hộ làm nghề	Tổng số mẫu	Tỷ lệ chọn mẫu (%)
1. Mộc gia dụng	Hồng Dân	Mộc gia dụng	78	31	39,74
2. Dệt chiếu	Hồng Dân	Chiếu	56	32	57,14
3. Bánh tráng	Hồng Dân	Bánh tráng	12	8	66,67
4. Rèn	Hồng Dân	Chiếu	9	5	55,56
5. Châm lá	Hồng Dân	Châm lá	37	16	43,24
6. Đan đất	Phước Long	Cần xé	188	30	15,96
TỔNG CỘNG			380	122	32,11

Nguồn: UBND xã Ninh Hòa, UBND thị trấn Ngan Dừa – huyện Hồng Dân;

UBND xã Vĩnh Phú Đông – huyện Phước Long năm 2009

Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo tổng kết của UBND tỉnh Bạc Liêu, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi Cục Phát triển Nông thôn, Niên giám thống kê tỉnh.

3.2.2 Phương pháp phân tích số liệu

- Mục tiêu 1: Sử dụng phương pháp thống kê mô tả như so sánh, phân tích tần số để phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề.
- Mục tiêu 2: Sử dụng phương pháp phân tích Chi phí-Lợi ích (Cost Benefit Analysis: CBA), hàm phân tích phân biệt và mô hình hồi qui tương quan để phân tích hiệu quả và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của các làng nghề.

+ Hàm phân tích phân biệt (discriminant analysis) có dạng:

$$D = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + \dots + b_nX_n$$

Trong đó: D là điểm phân biệt; b_i : các hệ số hay trọng số phân biệt; X_i : các biến độc lập ($i = \overline{1, n}$). Hệ số hay trọng số b_i được ước lượng để phân biệt sự khác nhau giữa các nhóm dựa vào giá trị của hàm phân biệt.

+ Mô hình hồi qui tương quan là ước lượng mức độ tương quan giữa các biến độc lập (biến giải thích) đến biến phụ thuộc (biến được giải thích). Mô hình này có dạng:

$$Y = b_0 + b_1X_1 + b_2X_2 + \dots + b_nX_n$$

Trong đó: Y là thu nhập và doanh thu (biến phụ thuộc); b_i : các hệ số hay trọng số phân biệt (các tham số hồi quy); X_i : các biến độc lập ($i = \overline{1, n}$).

- Mục tiêu 3: Dựa trên kết quả phân tích ở mục tiêu 1 và mục tiêu 2 đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho các làng nghề ở địa phương.

4 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1 Thực trạng hoạt động của các làng nghề ở tỉnh Bạc Liêu

Hiện nay tỉnh Bạc Liêu có 6 làng nghề nổi tiếng và mang tính chất truyền thống như làng nghề mộc đã tồn tại trên 80 năm, nghề rèn trên 100 năm, những làng nghề tập trung chủ yếu ở huyện Hồng Dân và Phước Long. Tuy nhiên, nhìn chung làng nghề trên địa bàn tỉnh chưa đa dạng về ngành hàng, phát triển chậm, phân tán, quy mô sản xuất nhỏ.

Theo kết quả điều tra cho thấy, các làng nghề này đã giải quyết một lượng lao động lớn cho địa phương, như làng nghề mộc số lượng lao động tham gia nghề này đến 59,77% của ấp, làng nghề đan lát có 54,08% lao động của ấp tham gia, và nghề dệt chiếu, nghề rèn, nghề bánh tráng là 13,41% lao động của ấp tham gia. Trong số hộ tham gia hoạt động làng nghề thì có 55,7% hộ chuyên làm nghề và đây là nguồn thu nhập duy nhất của hộ (hộ chuyên), và 44,3% hộ vừa tham gia hoạt động nghề vừa làm thêm những hoạt động khác như trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán... đây là những hộ tham gia hoạt động sản xuất sản phẩm nhằm khai thác lao động nhàn rỗi để kiếm thêm thu nhập cho gia đình (hộ kiêm).

Bảng 2: Qui mô lao động của các làng nghề Bạc Liêu năm 2009

Đơn vị tính: hộ, lao động, %

Tên làng nghề	Số hộ của ấp	Lao động chính của ấp	Số hộ làm nghề	% hộ làm nghề	Số lao động làm nghề	% Lao động làm nghề
Đan đất	437	2.330	188	43,02	1.260	54,08
Mộc	251	522	78	31,08	312	59,77
Dệt chiếu			56	11,69	112	8,30
Rèn	479	1.350	9	1,88	45	3,33
Bánh tráng			12	2,51	24	1,78
Châm lá	195	975	37	18,97	68	6,97
Tổng	1.362	5.177	380	27,90	1.821	35,17

Nguồn: UBND thị trấn Ngan Dừa, UBND xã Ninh Hòa – huyện Hồng Dân

UBND xã Vĩnh Phú Đông – huyện Phước Long năm 2009

Làng nghề đan đất ở huyện Hồng Dân có 188 hộ tham gia, chiếm 43,02% so với tổng số hộ trong Ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long, với 1.260 lao động trực tiếp làm nghề đan đất (chiếm 54,08% số lao động trên địa bàn), sản phẩm làm ra chủ yếu là cần xé. Tổng giá trị sản phẩm làm ra là 4.536.000.000 đồng/năm, thu nhập bình quân đầu người là 3.600.000 đồng/người/năm. Các hộ theo làng nghề còn gặp rất nhiều khó khăn như cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển làng nghề đan đất còn hạn chế, sản xuất thiếu tập trung chủ yếu theo hình thức tự phát nhỏ lẻ, đầu ra của sản phẩm không ổn định, các thương lái thường xuyên ép giá.

Làng nghề mộc gia dụng ở ấp Ninh Thanh II, xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân có 78 hộ làm nghề mộc gia dụng (chiếm 31,07% số hộ trên địa bàn), với tổng số 312 lao động tham gia làm nghề trực tiếp (chiếm 59,8% số lao động trên địa bàn). Giá trị sản phẩm làm ra từ nghề mộc gia dụng là 115.000 sản phẩm/năm, thu nhập bình quân đầu người từ làng nghề đạt 21.600.000 đồng/người/năm. Tuy nhiên, trong những năm qua các hộ theo nghề mộc còn gặp rất nhiều khó khăn như cơ sở hạ tầng ở địa phương còn hạn chế, đầu ra sản phẩm không ổn định, thường bị thương lái ép giá.

Nghề truyền thống như làng nghề dệt chiếu, bánh tráng và rèn được hình thành và phát triển rất lâu đời, sản phẩm làm ra từ 3 nghề trên được nhiều nơi tín nhiệm. Tuy nhiên, các làng nghề còn gặp nhiều khó khăn như người dân còn sản xuất tự phát, nhỏ lẻ, thiếu tập trung, tiêu thụ chủ yếu cho người tiêu dùng ở địa phương và một số đầu mối nhỏ lẻ. Hiện cả ba làng nghề trên đang trong tiến trình làm thủ tục để được công nhận làng nghề truyền thống.

4.2 Hiệu quả sản xuất kinh doanh và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các làng nghề

Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác nhau về lợi nhuận giữa các loại làng nghề, cao nhất là làng nghề mộc (lợi nhuận bình quân hộ là 24.974 ngàn đồng). Tuy nhiên, vì hoạt động chủ yếu của làng nghề là tạo thu nhập cho hộ và khai thác lao động nông nhân nên chỉ tiêu lợi nhuận không quan trọng, đa số hộ tham gia hoạt động làng nghề “bỏ công để làm lời”, nên có những làng nghề khi tính các khoản chi phí (bao gồm cả lao động thuê và lao động nhà) thì lợi nhuận của hộ có thể là

âm. Nên thay vì sử dụng chỉ tiêu về lợi nhuận thì chỉ tiêu về thu thập rất quan trọng khi xác định hiệu quả hoạt động của các làng nghề.

Bảng 3: Hiệu quả hoạt động sản xuất của làng nghề

Chỉ tiêu	ĐVT	Chung	Mộc	Đan đất	Đệt chiếu	Châm lá	Bánh tráng	Rèn
Doanh thu/hộ	1.000 đ	121.245	275.125	49.944	49.237	108.075	41.977	224.820
Chi phí/hộ	1.000 đ	113.366	250.150	51.993	44.534	106.936	43.315	206.733
Lợi nhuận/hộ	1.000 đ	7.878	24.974	-2.048	4.702	1.138	-1.337	18.086
Thu nhập/hộ	1.000 đ	38.593	89.145	15.761	19.608	26.210	14.562	61.726
Doanh thu/lao động	1.000 đ	35.473	73.485	16.853	19.517	25.377	29.921	54.840
Thu nhập/ lao động	1.000 đ	11.673	24.177	5.592	7.649	6.721	10.143	14.670
Thu nhập/ doanh thu	Lần	0,36	0,42	0,34	0,39	0,28	0,34	0,28
Thu nhập/ Chi phí	Lần	0,38	0,46	0,32	0,44	0,3	0,33	0,3
Thu nhập/ vốn	Lần	8,29	4,32	10,57	6,26	16,92	10,53	1,1

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2010

Qua kết quả nghiên cứu cho thấy, bình quân thu nhập trên hộ của các làng nghề trong tỉnh là 38.593 ngàn đồng, trong đó hộ chuyên có thu nhập cao hơn (bình quân là 54.872,81 ngàn đồng/hộ), và hộ kiêm thu nhập bình quân là 18.092,64 ngàn đồng/hộ. Trong 6 làng nghề thì làng nghề mộc gia dụng có thu nhập bình quân hộ là cao nhất (89.145 ngàn đồng/hộ). Làng nghề bánh tráng và đan đất có thu nhập bình quân hộ thấp nhất do giá trị sản phẩm không cao.

Tuy làng nghề mộc và rèn đạt lợi nhuận và thu nhập cao nhất nhưng do vốn đầu tư cao nên với một đồng vốn đầu tư thì 2 làng nghề này tạo thu nhập thấp hơn những làng nghề khác, điều này cho thấy vốn là một trong những đòi hỏi cấp thiết tại các làng nghề của tỉnh hiện nay.

4.2.1 Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất tại các làng nghề

Theo kết quả phân tích, có 3 yếu tố trong mô hình hàm hồi quy có ý nghĩa thống kê ảnh hưởng đến thu nhập hộ tham gia hoạt động làng nghề như tính chất hộ, số lao động tham gia sản xuất và vốn lưu động.

Bảng 4: Hệ số ước lượng của các biến trong mô hình hàm thu nhập

Chỉ tiêu	Hệ số b	Sig.	VIF
Hệ số chặn	-6.342,941 ^{ns}	0,3847	
Tính chất hoạt động của hộ (X ₁)	12.023,797*	0,0345	1,144
Lượng mặt hàng (X ₂)	-2.614,225 ^{ns}	0,4415	1,194
Lao động (X ₃)	8.074,679**	0,0000	1,280
Vốn cố định (X ₄)	-0,476 ^{ns}	0,1135	3,495
Vốn lưu động (X ₅)	2,556**	0,0000	3,913
Hệ số xác định R ² = 0,6839			

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2010;

Ghi chú: **: ý nghĩa đến 1%; *: ý nghĩa đến 5%; ns: không có ý nghĩa

Ta có mô hình hồi quy:

$$Y = -6.342,941^{ns} + 12.023,797^*X_1 - 2.614,225^{ns}X_2 + 8.074,679^{**}X_3 - 0,476^{ns}X_4 + 2,556^{**}X_5$$

Hệ số R² (R Square) = 0,6839 có nghĩa là các biến được đưa vào mô hình này có thể giải thích được 68,39% sự biến động của thu nhập (Y), còn 31,61% là do các yếu tố tác động khác không được nghiên cứu trong mô hình này.

Nếu cố định các biến số lượng mặt hàng, số lao động tham gia, vốn cố định, vốn lưu động (tương ứng X₂, X₃, X₄, X₅) thì thu nhập trung bình của hộ chuyên sẽ tăng thêm 12.023,797 ngàn đồng trong một năm so với hộ kiêm. Điều này phù hợp với phân tích của các kết quả trước đây cho rằng hộ chuyên thì thu nhập cao hơn so với hộ kiêm.

Và nếu cố định các biến tính chất hộ, mặt hàng hộ sản xuất ra, vốn cố định, vốn lưu động (tương ứng X₁, X₂, X₄, X₅) thì khi số lượng lao động hộ sản xuất làng nghề tăng thêm 1 người sẽ làm thu nhập của hộ sẽ tăng 8.074,679 ngàn đồng mỗi năm. Điều này cho thấy yếu tố con người đóng vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất của các làng nghề của tỉnh.

Hay nếu cố định các biến tính chất hoạt động hộ, số lượng mặt hàng hộ làm ra, lao động tham gia sản xuất, vốn cố định (tương ứng X₁, X₂, X₃, X₄) thì khi vốn lưu động của hộ tăng lên 1.000 đồng sẽ làm tăng trung bình 2,556 ngàn đồng thu nhập. Cho thấy đối với các hộ tham gia hoạt động sản xuất nguồn vốn đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất để tăng thu nhập cho hộ, đặc biệt là vốn lưu động.

4.2.2 *Xác định các yếu tố ảnh hưởng tạo nên sự khác biệt về thu nhập của hộ*

Qua kết quả điều tra, cho thấy thu nhập của hộ chia thành 2 nhóm là nhóm hộ có thu nhập cao và nhóm có thu nhập thấp. Dựa vào thống kê mô tả ta tìm ra được thu nhập trung bình một hộ là 38.593.060 đồng/năm. Nếu thu nhập của hộ lớn hơn thu nhập trung bình thì gọi là thu nhập cao và ngược lại. Ta có bảng số liệu sau:

Bảng 5: Kết quả phân tích phân biệt các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất

	F	Ý nghĩa thống kê (Pvalue)	Hệ số hàm phân biệt chuẩn hóa	Hệ số hàm phân biệt
Tuổi (X ₁)	0,004	0,948	0,190	0,01588
Năm kinh nghiệm (X ₂)	2,666	0,105	-0,275	-0,02037
Hộ chuyên (X ₃)	9,343	0,003	0,178	0,36975
Số lao động (X ₄)	29,836	0,000	0,375	0,22590
Số mặt hàng (X ₅)	3,800	0,054	-0,192	-0,22924
Vốn cố định (1000 đồng) (X ₆)	68,110	0,000	0,363	0,00003
Vốn lưu động (1000 đồng) (X ₇)	98,527	0,000	0,534	0,00005
Tính chất hộ (X ₈)	8,763	0,004	0,125	0,25654

Nguồn: Kết quả xử lý bằng phần mềm SPSS từ số liệu điều tra năm 2010

Từ phân tích ta thấy, có sự khác biệt về thu nhập giữa hai nhóm này (Sig = 0,000). Kết quả hàm phân tích phân biệt thu nhập của hộ làng nghề có thể viết như sau:

$$D = -150.263 + 0,36975X_3 + 0,22590X_4 + 0,00003X_6 + 0,00005X_7 + 0,25654X_8$$

Kết quả trên cho thấy các yếu tố: tính chất hộ (hộ chuyên và hộ kiêm), số lao động của hộ, vốn lưu động, vốn cố định và tính chất làng nghề (làng nghề đã công nhận và chưa công nhận) tạo nên sự khác biệt về thu nhập của các hộ làng nghề. Cụ thể các yếu tố hộ chuyên, số lao động, làng nghề đã được tỉnh công nhận đóng vai trò quan trọng làm tăng thu nhập cho hộ. Đối với những hộ chuyên do nguồn thu nhập chính chỉ từ tham gia hoạt động sản xuất làng nghề nên thu nhập của hộ có xu hướng cao hơn hộ kiêm, thêm vào đó do được sự hỗ trợ của địa phương nên những làng nghề đã được tỉnh công nhận có điều kiện phát triển tốt hơn.

4.3 Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề

Từ phân tích trên cho thấy, tính chất hộ và lao động là nhân tố rất quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất của các làng nghề. Vì vậy, cần tăng cường đào tạo nghề và tập huấn nâng cao tay nghề. Hầu hết lao động ở các làng nghề trong tỉnh có trình độ học vấn và chuyên môn rất thấp nên đây là khó khăn và trở ngại, nhất là trong vấn đề tiếp cận công nghệ mới, sản phẩm làm ra không đa dạng về chủng loại, khả năng cạnh tranh trên thị trường không cao. Các cơ quan có thẩm quyền cần phối hợp với các cơ sở, các trung tâm dạy nghề tổ chức dạy nghề cho đại diện các hộ trong làng. Tham quan học hỏi kinh nghiệm làm nghề ở các địa phương khác.

Qua nghiên cứu cho thấy vốn, đặc biệt là vốn lưu động ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của hộ. Vì vậy, cần có chính sách tài chính và tín dụng cho làng nghề. Qua nghiên cứu cho thấy có 46,72% hộ ở các làng nghề muốn tiếp cận nguồn vốn ngân hàng với lãi suất thấp nhưng không vay được lý do chủ yếu là hộ không được bảo lãnh trong việc vay, không có tài sản thế chấp, các hộ làng nghề mộc gia dụng và làng nghề rèn hoạt động đòi hỏi lượng vốn lớn nên cũng gây khó khăn trong việc tiếp cận vốn vay ngân hàng... chính vì thế, nhiều hộ không được vay đủ vốn để sản xuất từ ngân hàng phải đi vay tư nhân với lãi suất cao. Chính điều này ảnh hưởng ít nhiều đến khả năng hoạt động và thu nhập của hộ tham gia hoạt động làng nghề.

Bên cạnh đó, qua phân tích phân biệt cho thấy tính chất hộ làng nghề đã được công nhận có thu nhập cao hơn những làng nghề chưa được công nhận. Hiện tỉnh có hai làng nghề được công nhận là mộc và đan lát. Nên tỉnh sớm hoàn thiện thủ tục công nhận những làng nghề còn lại. Để làm được điều này tỉnh cần giải quyết thêm một số vấn đề:

- Tổ chức lại khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm làng nghề. Các làng nghề tồn tại với quy mô nhỏ, phân tán, manh ai nấy làm, không tìm kiếm cơ hội hợp tác liên doanh, liên kết với nhau để giảm khâu trung gian, giảm giá thành. Vì vậy cần tổ chức lại từ khâu sản xuất đến tiêu thụ thông qua sự có mặt của hợp tác xã hoặc một tổ chức hay cá nhân có tư cách pháp nhân.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm các làng nghề. Các cơ quan, ban, ngành tỉnh cần giúp các làng nghề tiếp cận thị trường trên cơ sở cung cấp thông tin về thị trường, tăng cường quảng bá giới thiệu sản phẩm, tham gia hội chợ, triển lãm để tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

- Quy hoạch vùng nguyên liệu cho các làng nghề. Hiện nay, nguồn nguyên liệu tại chỗ ngày càng khan hiếm. Vì vậy để xây dựng vùng nguyên liệu bền vững

cho các làng nghề trong tỉnh hiện nay và cho hoạt động sản xuất trong thời gian tới.

- Ngoài những vấn đề nêu trên để giúp các hộ làng nghề có điều kiện hoạt động sản xuất tốt hơn chính quyền địa phương cần chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho làng nghề, hỗ trợ kinh phí đầu tư trang thiết bị, máy móc và mặt bằng sản xuất.

Nhưng trước mắt, trong giai đoạn hiện nay để các làng trong tỉnh vượt qua những khó khăn thử thách như đã trình bày ở các nội dung trên thì các hộ sản xuất trong mỗi làng nghề phải chủ động hợp tác, liên kết với nhau, chia sẻ bí quyết, kỹ năng sản xuất để cùng nhau tiến bộ. Đồng thời phải cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

5 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1 Kết luận

Các làng nghề trên địa bàn Bạc Liêu đã được hình thành và phát triển từ rất lâu đời, đã góp phần tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế trên tỉnh, góp phần quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, nhất là giải quyết việc làm cho một lực lượng lao động nông nhàn, khai thác nguồn nguyên liệu tại chỗ, tăng thu nhập cho người lao động, các làng nghề đóng vai trò to lớn trong công tác xóa đói giảm nghèo ở địa phương. Tuy nhiên, hiện nay trong quá trình hoạt động các làng nghề tỉnh gặp không ít những khó khăn, tồn tại nhất định như thiếu vốn, gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ, thường xuyên bị người mua ép giá, thiếu phương tiện vận chuyển, hoạt động mang tính nhỏ lẻ, tự phát, trang thiết bị sản xuất lạc hậu, trình độ lao động tham gia làng nghề không cao, nguyên liệu sản xuất ngày càng khan hiếm. Vì vậy, việc bảo tồn, duy trì và phát triển làng nghề của tỉnh trong thời gian tới là một vấn đề quan trọng và cấp bách không chỉ có giá trị về mặt kinh tế – xã hội mà còn có giá trị về mặt bảo tồn nét văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

5.2 Kiến nghị

Đối với hộ hoạt động làng nghề: Qua quá trình điều tra tại các hộ tham gia hoạt động làng nghề cho thấy, các hộ thường xuyên sử dụng vốn vay vào mục đích khác nên không phát huy hiệu quả sử dụng vốn hoạt động làng nghề, các hộ tham gia làng nghề cần sử dụng vốn vay đúng mục đích tránh lạm dụng vốn cho hoạt động khác.

Kiến nghị đối với chính quyền địa phương: Hỗ trợ khâu tiêu thụ, tìm đầu ra cho sản phẩm làng nghề, hỗ trợ giới thiệu sản phẩm. Cần có chiến lược quy hoạch vùng nguyên liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của các làng nghề. Hỗ trợ các hộ sản xuất trong việc vay vốn mua nguyên liệu, đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất.

Kiến nghị đối với các cơ quan, ban, ngành: Tăng cường các hoạt động khuyến công, khuyến nông, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường để phát triển làng nghề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anthony E. Boardman, David H. Greenberg, Aidan R. Vining and David L. Weimer (2001). *Cost – Benefit Analysis: Concepts and Practice*, Prentice Hall, Upper Saddle River, NJ 07458
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2005. *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, NXB thống kê
- Mai Văn Nam (2006). *Kinh tế lượng (Econometrics)*, NXB Thống kê.
- Mai Văn Nam (2008). *Giáo trình Nguyên lý Thống kê kinh tế*, NXB Văn hóa Thông tin.
- Mai Văn Nam (2009). *Giáo trình Quản trị dự án phát triển*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Hữu Đăng (2005). *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển 19 làng nghề truyền thống trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông thôn ĐBSCL*, Chương trình hợp tác Tây Ban Nha-CTU
- Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 8 tháng 7 năm 2005: về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006-2010.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu (2009). *Công văn Số 48/BC-SKH tháng 6 năm 2009*.
- UBND tỉnh Bạc Liêu (2009). *Báo cáo tổng kết tình hình kinh tế - xã hội tỉnh năm 2008 và 6 tháng đầu năm 2009*.